

## BÁO CÁO

Sơ kết 06 tháng đầu năm 2024 trong triển khai, thực hiện Đề án 06  
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công an.

### I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 06

#### 1. Khái quát tình hình kinh tế, chính trị, xã hội tại địa bàn

Quảng Ngãi là tỉnh thuộc duyên hải miền Trung, có diện tích tự nhiên 5.152,49 km<sup>2</sup>; gồm 13 đơn vị hành chính cấp huyện (05 huyện miền núi, 05 huyện đồng bằng, 01 huyện đảo, 01 thị xã và 01 thành phố thuộc đô thị loại II), có 173 xã, phường, thị trấn; có các tuyến Quốc lộ 1A, 24, 24B và 24C, cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi và đường sắt Bắc - Nam đi qua. Toàn tỉnh hiện có 10 cảng (03 cảng biển, 03 cảng cá, 02 cảng neo đậu tàu thuyền, 02 cảng hành khách), có trên 5.500 phương tiện tàu, thuyền đăng ký hoạt động; Khu Kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi tập trung nhiều nhà máy, xí nghiệp, công trình trọng điểm; 03 khu công nghiệp, 01 phân khu công nghiệp và 13 cụm công nghiệp, làng nghề; 01 khu vực tập trung nhiều cơ quan, tổ chức chính trị của tỉnh Quảng Ngãi. Toàn tỉnh hiện có 378.045 hộ; 1.512.488 nhân khẩu đang đăng ký thường trú và đăng ký tạm trú; 1.200.474 nhân khẩu có độ tuổi từ 14 tuổi trở lên; 756.997 nhân khẩu nữ; có 04 dân tộc chính hiện đang sinh sống: Kinh, Hrê, Co, Xơ - đăng (Ca dong) và 215.284 nhân khẩu là dân tộc thiểu số chiếm khoảng 14,23% dân số toàn tỉnh, tập trung chủ yếu ở các huyện miền núi (Sơn Tây, Ba Tơ, Sơn Hà, Trà Bồng, Minh Long).

Tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh tiếp tục đạt được một số kết quả tích cực: Hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn duy trì sản xuất ổn định; thu ngân sách trên địa bàn tỉnh tăng khá (tăng 20,2% so với cùng kỳ năm 2023 và đạt 43,3% dự toán năm); tổng mức bán lẻ hàng hóa tiêu dùng, hoạt động thương mại, vận tải, doanh thu trong lĩnh vực du lịch đều tăng so với cùng kỳ năm 2023; ngành nông nghiệp duy trì phát triển ổn định; công tác quản lý, điều hành nhằm bình ổn giá cả thị trường được tập trung chỉ đạo triển khai kịp thời; công tác kiểm tra, phòng chống dịch bệnh và khám chữa bệnh cho Nhân dân được thực hiện tốt; các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch được tổ chức sôi nổi; thực hiện tốt công tác an sinh xã hội; Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2023 trụ hạng; Chỉ số hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2023 tăng 03 bậc so với năm 2022; quốc phòng, an



ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số tồn tại, hạn chế, khó khăn, như: Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài và trong nước còn ít, số doanh nghiệp thành lập mới giảm; nguồn thu tiền sử dụng đất đạt thấp; giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt theo kế hoạch đề ra; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng ở một số địa phương thực hiện còn chậm, đặc biệt là các dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh; Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) năm 2023 xếp vị trí 49/63 tỉnh, thành phố (giảm 26 bậc so với năm 2022).

2. Trong 06 tháng đầu năm 2024, Tổ Công tác đề án 06 tỉnh Quảng Ngãi đã tập trung bám sát mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể giai đoạn 2022 - 2025, các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Tổ Công tác đề án 06 Chính phủ để lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện và chủ trì, phối hợp các cấp, các ngành xác định tổng số các nhiệm vụ được giao để triển khai thực hiện và đã hoàn thành cơ bản các nội dung của Đề án 06. Kết quả cụ thể như sau:

(1) Đối với các nhiệm vụ các Bộ, ban, ngành phối hợp với địa phương: 12 nhiệm vụ, trong đó:

- Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành: 07 nhiệm vụ
- Tổng số nhiệm vụ chưa hoàn thành: không
- Tổng số nhiệm vụ thực hiện thường xuyên: 01 nhiệm vụ
- Tổng số nhiệm vụ đang triển khai: 04 nhiệm vụ

(2) Đối với các nhiệm vụ địa phương thực hiện: 14 nhiệm vụ, trong đó:

- Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành: 08 nhiệm vụ
- Tổng số nhiệm vụ chưa hoàn thành: không
- Tổng số nhiệm vụ thực hiện thường xuyên: 01 nhiệm vụ
- Tổng số nhiệm vụ đang triển khai: 05 nhiệm vụ

## **II. KẾT QUẢ CÁC MẶT CÔNG TÁC**

### **1. Công tác chỉ đạo, triển khai**

#### ***1.1. UBND tỉnh, Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh***

- Tham mưu Ban cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả 01 năm thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 24/4/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường lãnh đạo, đẩy mạnh thực hiện “Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” (*Báo cáo số 1639-BC/BCSD ngày 06/6/2024*).

- Chủ tịch UBND tỉnh - Tổ trưởng Tổ Công tác triển khai Đề án 06 tỉnh đã ban hành 02 quyết định, 02 kế hoạch và 36 văn bản để kịp thời chỉ đạo các sở, ban ngành và địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06, trọng tâm là: Kế hoạch thực hiện các Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024; Kế hoạch triển khai thi hành Luật Căn cước năm 2023; triển khai Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục triển khai một số giải pháp thúc đẩy hiệu quả cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực



tuyển; hướng dẫn tích hợp, kết nối, chia sẻ, khai thác kết quả số hóa hồ sơ giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh; đẩy nhanh tiến độ số hóa sổ hộ tịch.

- Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh đã ban hành 01 quyết định và 17 văn bản, trong đó trọng tâm là: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện phần mềm giải quyết 02 nhóm TTHC liên thông; thông báo các sản phẩm dịch vụ VNPT đồng hành cùng Đề án 06 tỉnh Quảng Ngãi; đẩy mạnh thực hiện phần mềm theo dõi, giám sát Đề án 06 và thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo; rà soát các nhiệm vụ Đề án 06 còn tồn đọng của năm 2023 và triển khai các nhiệm vụ năm 2024; thực hiện cập nhật thông tin người lao động trên địa bàn tỉnh.

- Công an tỉnh ban hành: 03 Quyết định; 02 Thông báo; 12 Tờ trình; 33 Báo cáo; 16 Kế hoạch; 154 Công văn về việc thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06, đơn đốc công tác làm sạch dữ liệu; đẩy mạnh thực hiện các thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công; thu nhận và kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức 2; rà soát, thống kê các thủ tục hành chính cần tra cứu, khai thác trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện các Mô hình điểm trong lực lượng Công an.

- Các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh đã ban hành 65 văn bản triển khai các nội dung, phần việc thuộc nhiệm vụ Đề án 06. Tổ Công tác Đề án 06 cấp huyện đã ban hành 261 văn bản để chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 trên địa bàn; trọng tâm là kịp thời ban hành các Kế hoạch triển khai Đề án 06 trên địa bàn; chỉ đạo thu thập, cập nhật, làm sạch các dữ liệu chuyên ngành và dữ liệu dân cư, đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”. Hàng tháng, quý đã tổ chức hội nghị giao ban để kịp thời rà soát những tồn tại, khó khăn, vướng mắc để kịp thời tháo gỡ, đơn đốc, hướng dẫn các thành viên trong Tổ Công tác đẩy mạnh thực hiện nhằm hoàn thành các nhiệm vụ được giao theo đúng tiến độ đề ra.

- Tổ chức 02 hội nghị và 03 cuộc họp giao ban để đánh giá tình hình, kết quả, những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất của các sở, ban ngành, địa phương nhằm đề ra biện pháp đẩy nhanh tiến độ, nâng cao hiệu quả thực hiện Đề án 06.

### ***1.2. Công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan***

Trong quá trình triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh, các sở, ngành liên quan đã thực hiện tốt công tác phối hợp trong việc triển khai các nội dung, nhiệm vụ công tác cũng như cùng nhau phối hợp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Đáng chú ý, Công an tỉnh đã: (1) Phối hợp với Tư pháp hướng dẫn các trường hợp công dân sau khi đã làm thủ tục báo tử, khai sinh phải liên hệ Công an cấp xã để thực hiện làm thủ tục đăng ký thường trú và xóa đăng ký thường trú theo quy định; thu thập thông tin công dân Việt Nam hiện có vợ hoặc chồng là người nước ngoài; công dân Việt Nam kết hôn với người nước ngoài, con lai của công dân Việt Nam với người nước ngoài; (2) Phối hợp với ngành Y tế trong thực hiện công tác khám chữa bệnh bằng thẻ CCCD hoặc ứng dụng VNeID; (3) Phối hợp với cơ quan Lao động -



Thương binh và Xã hội để rà soát số công dân tham gia bảo hiểm xã hội trên địa bàn; chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu trẻ em; Cập nhật thông tin người lao động; chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt (4) Phối hợp với Hội nông dân, Hội người cao tuổi để rà soát, cập nhật vào hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; (5) Phối hợp với Bảo hiểm xã hội để cung cấp số ĐDCN/CCCD cập nhật vào dữ liệu BHXH và rà soát, làm sạch dữ liệu BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi; (6) Phối hợp với Bưu điện trong công tác triển khai thực hiện các dịch vụ công trực tuyến<sup>1</sup>...

## 2. Về hoàn thiện thể chế

- UBND tỉnh ban hành Công văn số 1998/UBND-NC ngày 19/4/2024 chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện việc rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của Bộ, ngành, địa phương; theo đó, đã rà soát 20 văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực (*gồm: 9 Nghị quyết và 11 Quyết định*); tổng số văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định mâu thuẫn, chồng chéo, chưa phù hợp, chưa thống nhất, đề xuất nội dung cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ: 04 văn bản (*gồm 02 văn bản bãi bỏ<sup>2</sup> và 02 văn bản cần sửa đổi, bổ sung<sup>3</sup>*).

- Ban hành Quyết định số 481/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Quảng Ngãi. Tham gia góp ý 08 dự thảo văn bản theo chỉ đạo của Chính phủ và các bộ, ban, ngành trung ương, cụ thể: dự thảo Nghị định quy định 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử; dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của các Thông tư ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu, mẫu sổ lý lịch tư pháp; dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân; dự thảo tờ trình, dự thảo Nghị định quy định về định danh và xác thực điện tử; dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật giao dịch điện tử; dự thảo quy trình kỹ thuật về dữ liệu tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia; dự thảo chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia; dự thảo Quy trình kỹ thuật quốc gia về cấu trúc thông điệp dữ liệu trao đổi với Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

- Kiến nghị Bộ Công an sửa đổi, bổ sung Quyết định số 7159/QĐ-BCA ngày 23/10/2023 về quy trình xác minh nội bộ đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý xuất nhập cảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an. Triển khai Quyết định số 320/QĐ-BCA ngày 16/01/2024 của Bộ

<sup>1</sup> Kế hoạch phối hợp số 540/KHPH-CAT-BĐT ngày 22/5/2024 giữa Công an tỉnh và Bưu điện tỉnh về triển khai thực hiện các dịch vụ công trực tuyến

<sup>2</sup> Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi quy định mức đóng góp, chế độ miễn, giảm đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng và mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng và mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quy chế quản lý, vận hành và khai thác phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi.

<sup>3</sup> Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi về hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 30/2020/QĐ-UBND ngày 19/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy chế quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi



trưởng Bộ Công an về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực đăng ký, quản lý cư trú và lĩnh vực đăng ký, quản lý xuất nhập cảnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.

- Ban hành Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 22/3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thi hành Luật Căn cước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 2141/UBND-NC, ngày 26/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về đẩy mạnh công tác tuyên truyền Luật Căn cước trên địa bàn tỉnh; Công văn số 2123/UBND-TTHC ngày 26/4/2024 và Công văn 2575/UBND-NC ngày 21/5/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về tuyên truyền, triển khai Cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam”.

### **3. Nhóm tiện ích giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến**

#### **3.1. Về pháp lý thực hiện**

*(1) Công tác chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính trên cơ sở dữ liệu, xác thực, chia sẻ dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc sử dụng định danh và xác thực điện tử của Bộ Công an thực hiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh*

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 về việc phê duyệt và rút ngắn thời gian giải quyết đối với Danh mục dịch vụ công trực tuyến, Danh mục dịch vụ công trực tuyến thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Theo đó, đã tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công của Bộ, ngành gồm 461/1.692 thủ tục hành chính trực tuyến toàn trình và 512/1.692 thủ tục hành chính trực tuyến một phần.

- Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 25/1/2024 triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong năm 2024; theo đó, chỉ đạo các sở, ban, ngành phối hợp các Bộ, ngành triển khai thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa các TTHC trên cơ sở dữ liệu, xác thực, chia sẻ dữ liệu của CSDLQG về dân cư hoặc sử dụng định danh và xác thực điện tử thực hiện trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

*(2) Kết quả tham mưu, miễn giảm phí, lệ phí cung cấp dịch vụ công trực tuyến để thu hút người dân, doanh nghiệp tham gia*

- Tham mưu HĐND tỉnh ban hành các Nghị quyết số: 11/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022, 13/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về thực hiện giảm 50% phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến và Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 thực hiện giảm phí/lệ phí đối với nộp hồ sơ trực tuyến trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Qua đó, đã khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện các dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.

*(3) Kết quả triển khai giải pháp chuyển đổi sang sử dụng VNeID là tài*



*khoản duy nhất trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến*

UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 2773/UBND-TTHC ngày 30/5/2023 về việc chuyển đổi, sử dụng tài khoản VNeID trong thực hiện thủ tục hành chính và Công văn số 2808/UBND-TTHC ngày 31/5/2024 về việc rà soát, làm sạch tài khoản trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; chỉ đạo các đơn vị chức năng tổ chức thực hiện nghiêm túc, kết quả như sau:

Từ năm 2023, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi đã thực hiện kết nối, tích hợp **đăng ký, đăng nhập tài khoản từ Cổng dịch vụ công quốc gia** (*không đăng ký, đăng nhập tài khoản từ Hệ thống của tỉnh*), đảm bảo việc sử dụng tài khoản đã đăng ký trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc tài khoản định danh điện tử (VNeID) để đăng nhập cho mục đích thực hiện các dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy, lộ trình triển khai việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh Quảng Ngãi là đáp ứng theo lộ trình của Chính phủ triển khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

### **3.2. Số lượng thủ tục hành chính đã cung cấp trên Cổng dịch vụ công**

#### **(1) Về số lượng thủ tục hành chính đã cung cấp trên Cổng dịch vụ công**

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 về việc phê duyệt và rút ngắn thời gian giải quyết đối với Danh mục dịch vụ công trực tuyến, Danh mục dịch vụ công trực tuyến thí điểm tiếp nhận và trả kết quả hoàn toàn bằng hình thức trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, số lượng thủ tục hành chính (TTHC) cung cấp trực tuyến toàn trình là 461/1.692 TTHC (*tỷ lệ 27,28%*) và cung cấp trực tuyến một phần là 512/1.692 TTHC (*tỷ lệ 30,26%*).

#### **(2) Kết quả về số hóa thủ tục hành chính**

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 11/3/2022, Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 24/02/2023 về triển khai Đề án 06; Công văn số 3318/UBND-TTHC ngày 14/7/2023 về việc sửa đổi nội dung Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 24/02/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, Công văn số 1328/UBND-TTHC ngày 31/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh, Công văn số 5864/UBND-TTHC ngày 21/11/2023 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 27/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 437/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ. Theo đó, đã chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện số hóa hồ sơ đối với cấp tỉnh từ ngày 01/6/2022; cấp huyện, cấp xã từ ngày 01/12/2022 (*Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức tập huấn và đề nghị các địa phương thực hiện từ ngày 01/12/2022 theo Công văn số 1717/STTTT-BCVT&CNTT ngày 22/11/2022, sớm hơn 06 tháng đối với cấp xã*); hoàn thành kết nối, chia sẻ kho dữ liệu của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia trong tháng 6/2023; chỉ đạo các sở, ban



ngành phối hợp với địa phương rà soát, thống kê, xác định cụ thể giấy tờ, tài liệu phải thực hiện số hóa đối với từng TTHC thuộc phạm vi giải quyết và quản lý của cơ quan theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP và quy định pháp luật, hướng dẫn của bộ, ngành có liên quan để triển khai thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh.

Theo thống kê trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (Igate 2.0) đến thời điểm báo cáo tỷ lệ các cơ quan, đơn vị và địa phương có sử dụng phần mềm Igate 2.0 và thực hiện số hóa như sau:

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ thủ tục hành chính khi tiếp nhận: cấp tỉnh đạt: 99,86% cấp huyện đạt: 88,09%; cấp xã đạt: 99,49 %.

- Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính: cấp tỉnh đạt: 49,11%; cấp huyện đạt: 83,47%; cấp xã đạt: 97,11 %.

*(3) Việc tổ chức thực hiện 53 dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06 và theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 4/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ*

\* Đối với 25 dịch vụ công theo Đề án 06

- Kết quả triển khai 11 dịch vụ công của ngành Công an: Trong giai 06 tháng đầu năm 2024, đã có 11/11 dịch vụ công của Bộ Công an phát sinh hồ sơ với 117.914 hồ sơ trực tuyến (đạt tỷ lệ 99,51%).

- Kết quả triển khai 14 dịch vụ công của các Sở, ngành: Triển khai 14/14 dịch vụ công của các bộ, ngành đã có 14/14 dịch vụ công phát sinh hồ sơ với 59.976 hồ sơ (đạt tỷ lệ 94,88%).

\* Đối với 28 dịch vụ công theo Quyết định 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ

Đã triển khai thực hiện 13/28 dịch vụ công theo Quyết định 422/QĐ-TTg ngày 4/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ; phát sinh 118.127 hồ sơ, trong đó có 102.064 hồ sơ trực tuyến<sup>4</sup>, đạt tỷ lệ 86,40%.

*(4) Về mặt hạ tầng, dữ liệu của các địa phương*

- Về cơ bản, hầu hết các đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã đều đảm bảo hạ tầng đường truyền, máy tính, máy in để phục vụ cho việc giải quyết TTHC. Tuy nhiên, trong thời gian đến các đơn vị cũng sẽ tiếp tục bố trí kinh phí đầu tư, thay thế các thiết bị, hạ tầng đã cũ để công tác giải quyết TTHC tại Bộ phận

---

<sup>4</sup> Xác nhận thông tin về cư trú: 3.020 hồ sơ (đạt tỷ lệ: 75.59%); Đăng ký tham gia đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện (tham gia mới; chuyển từ bảo hiểm xã hội bắt buộc sang bảo hiểm xã hội tự nguyện): 868 hồ sơ (đạt tỷ lệ: 100%); Đăng ký đóng, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người chỉ tham gia bảo hiểm y tế: 147 hồ sơ (đạt tỷ lệ: 100%); Liên thông Nhóm thủ tục Đăng ký thành lập hộ kinh doanh và Đăng ký thuế: 2.716 (đạt tỷ lệ 100%); Liên thông nhóm thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh/ chứng chỉ hành nghề dược và cấp phiếu lý lịch tư pháp: 461 hồ sơ (đạt tỷ lệ 100%); Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại nhà, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu gắn liền với đất: 3.983 hồ sơ (đạt tỷ lệ: 20.62%); Thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với doanh nghiệp: 1.575 (đạt tỷ lệ: 88.09%); Nộp thuế, lệ phí trước bạ đối với doanh nghiệp: 1.520 hồ sơ (đạt tỷ lệ: 97.31%); Liên thông các thủ tục Đăng ký thành lập hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã và Đăng ký thuế: 338 hồ sơ (đạt tỷ lệ 100%); Thanh toán nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân: 108.883 hồ sơ (đạt tỷ lệ: 97.47%).



Một cửa các cấp được đảm bảo hơn.

- Đã triển khai đến các doanh nghiệp viễn thông giải quyết các vấn đề sim rác và phối hợp xây dựng các trạm BTS để triển khai phủ sóng di động tại 11 thôn lõm sóng. Đến nay, đã hoàn thành xây dựng xong 10 trạm tại 10 thôn, còn 01 thôn tiếp tục khảo sát vị trí và triển khai thực hiện trong tháng 6/2024.

#### **4. Nhóm tiện ích phục vụ phát triển kinh tế, xã hội**

##### **4.1. Kết quả ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, CCCD, định danh và xác thực điện tử phục vụ phát triển kinh tế, xã hội**

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai có hiệu quả việc sử dụng thẻ CCCD gắn chip hoặc ứng dụng VNeID trong khám chữa bệnh (KCB) bảo hiểm y tế (BHYT). Các cơ sở y tế trên địa bàn tiếp tục triển khai quyết liệt, trọng tâm KCB bằng CCCD gắn chip hoặc ứng dụng VNeID; tăng cường công tác truyền thông, hướng dẫn người dân tham gia khám, chữa bệnh BHYT bằng thẻ CCCD gắn chip hoặc ứng dụng VNeID; đến nay, 100% các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh (tuyên tỉnh, huyện, xã)<sup>5</sup> và các cơ sở khám, chữa bệnh ngoài công lập sử dụng thẻ CCCD gắn chip hoặc ứng dụng VNeID trong khám chữa bệnh BHYT.

- Trong 06 tháng đầu năm có 692.846 lượt sử dụng thẻ CCCD hoặc ứng dụng VNeID để thay thế thẻ BHYT khi đi khám bệnh, trong đó tra cứu thành công: 679.304 lượt (đạt 98,05%), tính đến nay toàn tỉnh có tổng số 1.661.098 lượt tra cứu, trong đó có 1.613.631 lượt tra cứu thành công (đạt 97,14) tại 207/207 cơ sở khám chữa bệnh; 100% đơn vị tuyến tỉnh<sup>6</sup>, tuyến huyện<sup>7</sup> đạt trên 80% tổng số lượt KCB BHYT bằng thẻ CCCD hoặc ứng dụng VNeID; tuyến xã có tổng số lượt KCB BHYT bằng thẻ CCCD hoặc ứng dụng VNeID đạt tỉ lệ 91,62%, tuy nhiên, trong đó có 27 xã<sup>8</sup> chưa đạt 80%. Đối với cơ sở KCB ngoài công lập, có 50% cơ sở<sup>9</sup> đạt chỉ tiêu trên 80%.

##### **4.2. Triển khai các giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt**

###### **(1) Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Triển khai chi trả không dùng tiền mặt cho đối tượng người có công: Có

<sup>5</sup> Triển khai tại 07 bệnh viện đa khoa/chuyên khoa tuyến tỉnh; 13 Trung tâm Y tế huyện, thành phố; 176 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (trong đó bao gồm: 02 Phòng Khám Đa khoa khu vực (Tỉnh Bắc thuộc TTYT huyện Sơn Tịnh; Tỉnh Khê thuộc TTYT thành phố Quảng Ngãi), Bệnh xá Đặng Thùy Trâm) và các đơn vị khám, chữa bệnh ngoài công lập trên địa bàn tỉnh)

<sup>6</sup> Tuyến tỉnh (BVĐK tỉnh 98,66%; BV Sản - Nhi tỉnh 81,44%; BV Tâm thần 84,12%; BV YHCT 90,28%; BV Lao&BP 89,46%; BV Nội tiết 97,44%; BV ĐKKV Đặng Thùy Trâm 93,82%).

<sup>7</sup> Tuyến huyện: (Bình Sơn 93,34%; Sơn Tịnh 85,82%; Thành phố 81,81%; Mộ Đức 87,67%; Đức Phổ 86,40%; Tư Nghĩa 90,25%; Nghĩa Hành 90,26%; Trà Bồng 96,10%; Ba Tơ 87,27%; Minh Long 99,19%; Sơn Hà 88,59%; Sơn Tây 92,16%; Lý Sơn 88,00%).

<sup>8</sup> Một số các đơn vị có tuyến xã chưa đạt: Thành phố (Nguyễn Nghiêm 40,91%; Nghĩa Lộ 42,65%; Chánh Lộ 77,71%; Nghĩa Đông 78,50%; TQT 61,12%; Tịnh Thiện 20,53%; Tịnh Châu 75,39%; Tịnh Ân Tây 77,66%; Tịnh An 92,90%); Bình Sơn (Bình Dương 77,66%); Ba Tơ (Ba Nam 79,41%; Ba Khâm 55,09%; Ba Trang 76,07%); Sơn Tịnh (Tịnh Hiệp 77,74%; Tịnh Thọ 78,72%; Tịnh Phong 69,84%; Tịnh Đông 75,78%; Tịnh Giang 70,01%); Đức Phổ (Phổ Khánh 74,69%; Phổ Hòa 75,69%; Phổ An 75,80%); Tư Nghĩa (La Hà 71,43%); Sơn Hà (Sơn Ba 76,76%).

<sup>9</sup> PKĐK Minh Quang (100%), PK Toàn Mỹ (100%); BVĐK tư nhân Phúc Hưng (67,21%); BV Mắt KTC (69,13%) chưa đạt chỉ tiêu yêu cầu.



9.804/34.453 đối tượng người có công, thân nhân người có công với cách mạng đăng ký chi trả qua tài khoản cá nhân và tài khoản ủy quyền đạt tỷ lệ 28,46%. Trong đó: đã thực hiện việc chi trả kinh phí qua tài khoản cho 6.106/9.804 đối tượng đã có tài khoản ngân hàng, đạt tỷ lệ 62,28%. Còn lại 3.698 đối tượng, đã lập danh sách gửi Trung tâm thông tin thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhưng chưa được cập nhật vào phần mềm chi trả trợ cấp.

- *Triển khai chi trả không dùng tiền mặt cho đối tượng bảo trợ xã hội (BTXH) tại cộng đồng:* Đến thời điểm báo cáo, có 43.973/86.504 đối tượng có tài khoản của người thụ hưởng, người giám hộ, tài khoản ủy quyền, đạt 50,83% so với đối tượng BTXH đang quản lý. Số đối tượng đã chi trả tiền trợ cấp BTXH qua tài khoản đến tháng 05/2024 là 43.018/86.504 đối tượng, đạt 49,73% so với đối tượng BTXH đang quản lý.

#### (2) Lĩnh vực Bảo hiểm Xã hội:

Đến nay, tỷ lệ sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt cho người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng trên địa bàn tỉnh đạt 66,6%, cụ thể như sau: Người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng: 52,28% (khu vực đô thị: 60,7%); Người hưởng trợ cấp 1 lần: 89,7% (khu vực đô thị: 93,3%); Người hưởng trợ cấp thất nghiệp: 99,8%.

#### (3) Lĩnh vực giáo dục

Kết quả triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh đạt giá trị giao dịch 61.236.702.282 đồng (*thu học phí 59.334.671.782 đồng; thu các khoản khác 1.902.030.500 đồng*), trong đó:

- Số lượng đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai thực hiện: 38/38, đạt tỷ lệ 100%; tổng giá trị giao dịch: 25.547.595.300 đồng.

- Số huyện, thị xã, thành phố đã triển khai thực hiện: 08/13, đạt tỷ lệ 61,5%; tổng giá trị giao dịch: 35.689.106.982 đồng.

Năm 2024, Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục đẩy mạnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

#### (4) Lĩnh vực thuế

- Thực hiện triển khai hóa đơn điện tử trên toàn tỉnh, 100% doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh theo phương pháp kê khai áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ; trong 06 tháng đầu năm 2024 đã có 354 doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh đăng ký, sử dụng hóa đơn điện tử.

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan trao đổi thông tin giữa cơ quan Thuế và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, thành phố, thị xã, huyện, Trung tâm Phục vụ -Kiểm soát TTHC tỉnh để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai, thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia của hộ gia đình, cá nhân; 91,6% hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai được tiếp nhận, xử lý bằng phương thức điện tử; trong 06 tháng đầu năm 2024 có 618 hồ sơ.

- Triển khai hóa đơn điện tử đối với kinh doanh, bán lẻ xăng dầu theo



Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ; đã có 144/144 doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đối với kinh doanh, bán lẻ xăng dầu, với 247/247 cửa hàng; 1.053/1.053 cột bơm, đạt tỉ lệ 100%.

#### (5) Lĩnh vực Y tế

Sở Y tế chỉ đạo các cơ sở cung ứng dịch vụ y tế triển khai thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt; các cơ sở khám, chữa bệnh thanh toán viện phí không dùng tiền mặt. Đến nay 100% cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện triển khai thanh toán viện phí không dùng tiền mặt; trong 06 tháng đã có 24.241 lượt thanh toán viện phí không dùng tiền mặt. Tại Bệnh viện Sản - Nhi tiếp tục triển khai có hiệu quả thanh toán viện phí không dùng tiền mặt bằng mã QR-Code động.

#### (6) Lĩnh vực Tư pháp

Thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh. Trong 06 tháng đầu năm 2024, có 13 thủ tục hành chính phát sinh thanh toán trực tuyến, **4.355** giao dịch, với tổng số tiền **847.600.000** đồng.

#### (7) Tại Trung tâm Phục vụ - Kiểm soát TTHC của tỉnh

Trong 06 tháng đầu năm 2024, tất cả các hồ sơ nộp tại Trung tâm có thu phí/lệ phí đều thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt qua hình thức quét mã QR code hoặc có thể thanh toán trực tuyến qua nền tảng thanh toán của Cổng dịch vụ công quốc gia; ngoài ra, tại Trung tâm tiếp tục duy trì Quầy hỗ trợ công dân thực hiện thanh toán nghĩa vụ tài chính về đất đai cho cá nhân, hộ gia đình. Trong 06 tháng đầu năm 2024 trên địa bàn tỉnh tổng số tiền thu phí/lệ phí thanh toán trực tuyến qua nền tảng thanh toán của Cổng dịch vụ công quốc gia **đạt hơn 4,3 tỷ đồng**, số tiền thanh toán thuế đất **đạt hơn 36,5 tỷ đồng**.

**5. Nhóm phục vụ phát triển công dân số:** UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 2690/UBND-TTHC ngày 27/5/2024 về việc chuẩn bị các điều kiện để thực hiện cấp phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID; chỉ đạo các đơn vị có liên quan nghiên cứu, triển khai các điều kiện để thực hiện cấp phiếu lý lịch tư pháp trên ứng dụng VNeID.

- Tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức thu nhận mới hồ sơ cấp CCCD cho: 1.173.430 trường hợp công dân đủ 14 tuổi trở lên (đạt tỉ lệ 99,1% số lượng công dân đủ 14 tuổi trở lên); 850.874 hồ sơ định danh điện tử mức 2 (đạt tỉ lệ 72,51% số công dân đã thu nhận hồ sơ cấp thẻ CCCD); đã kích hoạt được 748.404 trường hợp (đạt tỉ lệ 87,96% so với tổng hồ sơ thu nhận định danh điện tử mức 2).

### **6. Hoàn thiện hệ sinh thái phục vụ kết nối, khai thác, bổ sung làm giàu dữ liệu dân cư:**

#### (1) Kết quả kết nối, chia sẻ thực hiện theo lộ trình đề ra trong Đề án

Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định về Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Ngãi (*Quyết định số 34/2023/QĐ-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh*). Theo đó, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã đáp ứng các yêu cầu theo



hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an.

(2) Kết quả làm sạch dữ liệu của các đơn vị bộ, ngành

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh thường xuyên cập nhật thông tin, xác thực hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên và hồ sơ học sinh trên Cơ sở dữ liệu về giáo dục và đào tạo với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Kết quả xác thực hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên và hồ sơ học sinh giữa Cơ sở dữ liệu về giáo dục và đào tạo với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư:

+ Hồ sơ học sinh: Trung học phổ thông (THPT): 39.708 hồ sơ được xác thực, đạt 99,98%; Trung học cơ sở (THCS): 78.538 hồ sơ được xác thực, đạt 99,74%; Tiểu học: 106.339 hồ sơ được xác thực, đạt 99,41%; Mầm non, 53.507 hồ sơ được xác thực, đạt 96,81%; Giáo dục thường xuyên (GDTX): 4.251 hồ sơ được xác thực, đạt 99,30%.

+ Hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên: THPT: 2.583 hồ sơ được xác thực, đạt 99,85%; THCS: 5.181 hồ sơ được xác thực, đạt 98,00%; Tiểu học, 5.746 hồ sơ được xác thực, đạt 96,77%; Mầm non: 5.928 hồ sơ được xác thực, đạt 95,61%; GDTX: 200 hồ sơ được xác thực, đạt 100%.

- Bảo hiểm xã hội đã phối hợp với Công an tỉnh rà soát làm sạch và cập nhật số định danh cá nhân lên hệ thống dữ liệu của ngành BHXH đối với các trường hợp đang tham gia BHXH, BHYT, BHTN được: 1.105.465/1.112.174 (đạt tỷ lệ 99,4%).

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Công an tỉnh chuẩn hoá và làm sạch dữ liệu trẻ em, đến nay đã thực hiện: 314.280 trường hợp (đạt tỷ lệ 100%). Cung cấp dữ liệu xây dựng hệ thống Cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo để cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu của ngành Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định. Đến nay, 100% đối tượng được cập nhật với số lượng cụ thể: người thuộc hộ nghèo (23.317 người) và người thuộc hộ cận nghèo (18.912 người); làm sạch dữ liệu các đối tượng thuộc diện người có công với cách mạng; đã cập nhật làm sạch dữ liệu của 13 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh với số lượng (27.277 người). Trên cơ sở Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 24/5/2023 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức thu thập, cập nhật, chỉnh sửa, tổng hợp thông tin về người lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2023-2025, tính đến thời điểm hiện nay, 13/13 địa phương đã thu thập, cập nhật thông tin người lao động lên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: 603.751 trường hợp (đạt tỷ lệ trên 85%)

- Sở Nội vụ đã phối hợp với lực lượng Công an số hóa 100% dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh (28.960 trường hợp).

- Đã làm sạch dữ liệu dân cư được: 43.369 trường hợp; trong đó: Hộ không có chủ hộ: 38 trường hợp; xóa trùng dữ liệu: 622 trường hợp; thiếu trường thông tin CMND 09 số: 8.260 trường hợp; thiếu trường thông tin: 17.123 trường hợp; sai cấu trúc định danh cá nhân: 1.071 trường hợp; sai lệch số hộ tịch: 653 trường hợp; sai lệch dữ liệu điện lực: 12.805 trường hợp; BHXH khu công nghiệp: 839 trường hợp; sai lệch thông tin giữa Bộ Tư pháp và Dân cư: 1.094 trường hợp; BHXH tạm trú Khu công nghiệp: 1.846 trường hợp; xác thực



nhà mạng: 1.628 trường hợp; Trùng thông tin vợ/chồng: 7.148 trường hợp; sai lệch thông tin giữa BHXH và Dân cư: 4.183 trường hợp; sai lệch thông tin giữa Thuế và Dân cư: 22.041 trường hợp.

### (3) Về số hóa làm giàu dữ liệu

- Về số hóa dữ liệu hộ tịch: Đến thời điểm hiện tại đã số hóa dữ liệu hộ tịch lưu tại Sở Tư pháp, TP. Quảng Ngãi, các huyện Mộ Đức, Minh Long, Sơn Tây và Lý Sơn với: 6.414 sổ hộ tịch với 604.751 sự kiện hộ tịch. Năm 2024, UBND tỉnh đã bố trí 18.800.000.000 đồng để phục vụ cho số hóa số lượng Sổ hộ tịch còn lại.

- Về số hóa dữ liệu đất đai: Đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 09 đơn vị hành chính cấp huyện với 104/173 xã, phường, thị trấn đã số hóa với 882.755 dữ liệu đất đai đã được số hóa, tạo lập dữ liệu dùng chung (đạt 60,1%),

- Công an tỉnh đã phối hợp với các hội, đoàn thể để rà soát, thu thập, cập nhật thông tin hội viên lên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; đến nay đã hoàn thành 100% việc cập nhật hội viên các hội đoàn thể lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư: Hội viên Hội người cao tuổi: 142.352 trường hợp; Hội viên Hội nông dân: 118.540 trường hợp; Hội Cựu chiến binh: 27.836 trường hợp; Hội Chữ thập đỏ: 10.185 trường hợp; thông tin người có công: 37.293 trường hợp.

### (4) Về mặt hạ tầng, dữ liệu của các địa phương

- Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030 trên địa bàn tỉnh<sup>10</sup>; Triển khai Nền tảng phòng, chống mã độc tập trung toàn tỉnh Quảng Ngãi, đảm bảo kết nối giám sát phòng chống mã độc các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh về Trung tâm NCSC; triển khai hoạt động giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng tập trung (SOC) tỉnh để thực hiện giám sát trực tiếp đối với Hệ thống Trung tâm dữ liệu tỉnh và Trung tâm dữ liệu Văn phòng UBND tỉnh; duy trì, vận hành và theo dõi hệ thống giám sát tường lửa tập trung tại Trung tâm dữ liệu tỉnh để kịp thời cảnh báo và phối hợp xử lý các sự cố ATTT mạng trên hệ thống thông tin các cơ quan nhà nước.

- Về cơ bản, hầu hết các đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã đều đảm bảo hạ tầng đường truyền, máy tính, máy in để phục vụ cho việc giải quyết TTHC. Tuy nhiên, trong thời gian đến các đơn vị cũng sẽ tiếp tục bố trí kinh phí đầu tư, thay thế các thiết bị, hạ tầng đã cũ để công tác giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa các cấp được đảm bảo hơn.

- Đã triển khai đến các doanh nghiệp viễn thông giải quyết các vấn đề sim rác và phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi đối với các Doanh nghiệp Viễn thông trong phát triển mạng Internet và phủ sóng viễn thông tại địa phương: thường xuyên theo dõi, phối hợp kiểm tra chấp thuận các vị trí xây dựng, di dời trạm BTS của các đơn vị Viễn thông. Đồng thời, đốc thúc các doanh nghiệp

<sup>10</sup> Kế hoạch số 1241/KH-STTTT ngày 10/7/2023



Viễn thông phối hợp với các địa phương trên địa bàn tỉnh rà soát, đánh giá tình hình lõm sóng để thực hiện phủ sóng 100% sóng băng rộng di động và Internet. Thời điểm tháng 02/2024, còn 03 thôn lõm sóng, đến tháng 5/2024 đã có 02 thôn được phủ sóng bởi Viettel, dự kiến đến hết tháng 6/2024, Viettel Quảng Ngãi sẽ hoàn thành việc kéo cable, lắp đặt để phủ sóng tại thôn còn lại.

(5) Hoạt động của Trung tâm điều hành thông minh tỉnh (IOC)

Hệ thống IOC được VNPT chuyển giao vận hành (trong giai đoạn thử nghiệm) trên nền tảng web để hiển thị số liệu về các phân hệ được tích hợp (*địa chỉ: ioc.quangngai.gov.vn*), kết xuất số liệu để hiển thị trên web *ioc.quangngai.gov.vn* qua ứng dụng *app.powerbi.com*.

Hệ thống triển khai đang cung cấp dữ liệu 10 phân hệ: (1) Giám sát và điều hành lĩnh vực Kinh tế - xã hội; (2) Giám sát và điều hành lĩnh vực Dịch vụ công; (3) Giám sát và điều hành lĩnh vực Y tế; (4) Giám sát điều hành lĩnh vực Giáo dục; (5) Giám sát Quản lý văn bản điều hành; (6) Giám sát xử lý lĩnh vực An toàn thông tin; (7) Giám sát điều hành lĩnh vực Du lịch; (8) Giám sát thông tin trên môi trường mạng; (9) Giám sát điều hành lĩnh vực Quản lý tàu cá; (10) Hệ thống giám sát Camera. Trong đó, có 09 phân hệ được triển khai thử nghiệm từ tháng 4/2022, phân hệ giám sát Camera (*kết nối hệ thống camera tại Bộ phận Một cửa các cấp về Trung tâm IOC tỉnh*) được triển khai từ tháng 02/2023. Hiện nay hệ thống tiếp tục được triển khai thử nghiệm theo chỉ đạo Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 2103/VP-KGVX ngày 20/10/2023.

**7. Nhóm tiện ích phục vụ chỉ đạo, điều hành**

- Việc triển khai thực hiện Đề án 06 đã từng bước phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành chung của tỉnh và của từng sở, ngành, địa phương, nhất là phục vụ sắp xếp đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính cấp xã; theo đó đã cung cấp số lượng nhân khẩu, hộ khẩu, dân tộc, dân số tạm trú quy đổi cho Sở Nội vụ để hoàn thiện hồ sơ, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện xác nhập 7 xã, thị trấn thành 3 xã, thị trấn.

- Phân tích, đánh giá thành phần dân cư để phục vụ cho việc đánh giá dân cư trong độ tuổi lao động, trẻ em đến trường, người già, tôn giáo, dân tộc... để lãnh đạo các cấp hoạch định các chính sách phát triển xã hội, an sinh xã hội.

- Phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và quản lý Nhà nước, chuyển đổi trạng thái công tác của lực lượng Công an các cấp. Hiện nay trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Công an các đơn vị địa phương đã cập nhật được: Đối tượng truy nã: 99 trường hợp; đối tượng truy tìm: 15 trường hợp; đối tượng quản lý theo pháp luật: 1.114 đối tượng; đối tượng quản lý theo nghiệp vụ: 6.745 đối tượng; đối tượng đang thi hành án phạt tù có thời hạn: 888 đối tượng.

Đã cung cấp hình ảnh của 10 đối tượng truy nã, hơn 200 đối tượng khác (trích xuất từ hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư) để phục vụ nhận dạng, truy bắt đối tượng, trong đó có 18 đối tượng quản lý của lực lượng An ninh; 08 đối tượng trong chuyên án; 21 đối tượng sơ tra. Tra cứu, khai thác thông tin trên cơ sở dữ liệu dân cư và CCCD 138 trường hợp phục vụ công tác nghiệp



vụ; thông qua ứng dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, từ đầu năm đến nay trên địa bàn toàn tỉnh đã bắt được 02 đối tượng truy nã đặc biệt nguy hiểm và 01 đối tượng truy tìm, trong đó có một đối tượng đã giết 06 người, trốn truy nã 43 năm. Đã ứng dụng thiết bị xác minh di động phục vụ tra cứu nhanh thông tin lai lịch đối với 01 tử thi để nhanh chóng thực hiện các quy trình tiếp theo.

## **8. Về bố trí ngân sách, nguồn nhân lực triển khai Đề án 06**

### **8.1. Về kinh phí**

- Thực hiện hướng dẫn của Bộ Tài chính tại Công văn số 1304/BTC-VI ngày 10/02/2023 về việc bố trí nguồn lực thực hiện Đề án 06, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 2318/UBND-KTTH ngày 24/5/2023 về việc kinh phí phục vụ Đề án 06 trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2023-2025; cụ thể: Năm 2023: 2 tỷ 045 triệu đồng. Năm 2024: 1 tỷ 937 triệu đồng; Năm 2025: tối đa 1 tỷ 883 triệu đồng.

- Thực hiện Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 21/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện số hóa Sổ hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 1437/BTP-CNTT ngày 25/4/2019 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn các địa phương thực hiện số hóa Sổ hộ tịch, Năm 2024 UBND tỉnh đã bố trí: 18.800.000.000 đồng để phục vụ công tác số hóa Sổ hộ tịch.

### **8.2. Về nguồn nhân lực**

- Thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các văn bản liên quan; UBND tỉnh đã ban hành Đề án vị trí việc làm cho các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố để làm cơ sở triển khai thực hiện. Trong Đề án vị trí việc làm của các sở, ban, ngành và UBND huyện, thị xã, thành phố đều có bố trí vị trí việc làm công nghệ thông tin. Đến nay trên địa bàn tỉnh các cơ quan, đơn vị phân công (đạt 100%) cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về công nghệ thông tin, chuyển đổi số và an toàn thông tin; tổng số là 1.023 người.

- UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2024 phê duyệt Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã tỉnh Quảng Ngãi năm 2024; Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 12/4/2024 phê duyệt Danh mục ngành nghề cần thu hút tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ ở các lĩnh vực tỉnh cần ưu tiên thu hút đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh để làm cơ sở thực hiện (*thay thế Danh mục ngành nghề thu hút ban hành tại Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 11/5/2023*); trong đó, có thu hút nhân lực về công nghệ thông tin, kỹ thuật mạng hoặc An toàn thông tin tại Sở Thông tin và Truyền thông (04 chỉ tiêu); Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 10/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về Kế hoạch tuyển dụng công chức hành chính tỉnh Quảng Ngãi năm 2024; theo đó có 05 chỉ tiêu



tuyển dụng thu hút về liên quan công nghệ thông tin, kỹ thuật mạng hoặc an toàn thông tin (*Sở Tài nguyên và Môi trường: 01 chỉ tiêu; Sở Thông tin và Truyền thông: 03 chỉ tiêu; Sở Khoa học và Công nghệ: 01 chỉ tiêu*).

- Dự kiến trong 6 tháng cuối năm 2024 sẽ tổ chức 09 lớp bồi dưỡng về chuyển đổi số, an toàn thông tin, cụ thể: 04 Lớp bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng về an toàn thông tin cho người dùng trên môi trường (dự kiến bồi dưỡng cho 400 học viên); 02 Lớp bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu qua mạng (dự kiến bồi dưỡng cho 200 học viên); 01 Lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản trị, điều hành về tăng trưởng xanh (dự kiến bồi dưỡng cho 100 học viên); 01 Lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng thực hiện pháp luật về hộ tịch, chứng thực, nuôi con nuôi, đăng ký giao dịch bảo đảm cho công chức xã (dự kiến bồi dưỡng cho 100 học viên); 01 Lớp bồi dưỡng chuyển đổi số ở một số lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trong xây dựng nông thôn mới (dự kiến bồi dưỡng cho 100 học viên).

## **9. Về việc triển khai mô hình, giải pháp công nghệ thực hiện Đề án 06**

### **9.1. Kết quả triển khai thực hiện 44 mô hình điểm**

- Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 23/11/2023 về Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện các mô hình của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2023 - 2025 và những năm tiếp theo. Trên cơ sở Kế hoạch này, chỉ đạo các sở, ban ngành liên quan chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai chi tiết đối với 18 mô hình triển khai thực hiện trong giai đoạn 2023 - 2024.

- Đối với các mô hình triển khai từ năm 2025: Chỉ đạo các sở, ban ngành chủ động xây dựng Kế hoạch thực hiện đối với 18 mô hình còn lại (hoàn thành việc ban hành Kế hoạch trước ngày 15/01 hằng năm); đồng thời, lập dự toán kinh phí thực hiện mô hình, gửi Sở Tài chính thẩm định (hoàn thành trước tháng 7 hằng năm) trình UBND tỉnh để xem xét, cân đối bố trí kinh phí (nếu có).

### **9.2 Kết quả thực hiện Công văn số 2551/TTCTTKĐA ngày 01/4/2024 của Tổ Công tác triển khai Đề án 06 Chính phủ**

Thực hiện Công văn số 2551/TTCTTKĐA ngày 01/4/2024 của Thư ký Tổ Công tác Đề án 06 Chính phủ về việc nghiên cứu giải pháp, tổng hợp kinh nghiệm trong triển khai Đề án 06 (*viết Công văn số 2551*); UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1775/UBND-TTHC ngày 09/4/2024 về nghiên cứu giải pháp, tổng hợp kinh nghiệm trong triển khai Đề án 06; Công an tỉnh ban hành Công văn 2024/CAT-TM(QLHC) ngày 19/4/2024 về việc rà soát kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo 05 nhóm “Pháp lý, hạ tầng công nghệ, dữ liệu, an ninh an toàn bảo mật, nguồn nhân lực triển khai” gửi các sở, ban, ngành đề nghị rà soát, đánh giá từng nhiệm vụ cụ thể theo phụ lục 2 gửi kèm Công văn số 2551 và định kỳ hàng tuần tập hợp báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện theo mẫu quy định.

Qua tổng hợp báo cáo rà soát của các sở, ban, ngành, địa phương, đến nay hầu hết các nhiệm vụ của phụ lục 2 về khảo sát triển khai chuyển đổi số, Đề án 06 theo 05 nhóm “pháp lý, hạ tầng, an ninh an toàn, dữ liệu, nguồn lực” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã được thực hiện, hoàn thành; hiện chỉ còn 04



nhiệm vụ các đơn vị đã, đang triển khai thực hiện theo lộ trình<sup>11</sup>.

## 10. Công tác tuyên truyền

### 10.1. Công tác tuyên truyền pháp luật về Luật Căn cước 2023

- UBND tỉnh ban hành 01 Kế hoạch, 03 Công văn liên quan đến triển khai Luật Căn cước năm 2023 và phát động Cuộc thi: “Tìm hiểu pháp luật về căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam”, cụ thể: Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 22/3/2024 triển khai thi hành Luật Căn cước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Công văn số 2141/UBND-NC ngày 26/4/2024 về đẩy mạnh công tác tuyên truyền Luật Căn cước trên địa bàn tỉnh; Công văn số 2123/UBND-TTHC ngày 26/4/2024 và Công văn 2575/UBND-NC, ngày 21/5/2024 về tuyên truyền, triển khai Cuộc thi “Tìm hiểu pháp luật về căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam”. Công an tỉnh ban hành 02 Quyết định, 04 Kế hoạch và 04 Công văn triển khai các nội dung triển khai và tuyên truyền Luật Căn cước năm 2023.

- Triển khai Hội nghị triển khai các văn bản Luật (đợt 1/2024) do Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh; trong đó có tổ chức báo cáo về Luật Căn cước 2023 với sự tham dự của hơn 183 đại biểu là đại diện các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy; các Ban của HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và hội đồng nhân dân tỉnh; UBND MTTQVN tỉnh; Lãnh đạo và cán bộ của các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình trên địa bàn tỉnh. Công an tỉnh đã Tổ chức Hội nghị quán triệt Luật Căn cước, Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành cho toàn thể cán bộ chiến sĩ của Công an tỉnh.

- Tổ chức thành công cuộc thi trực tuyến “**Tìm hiểu pháp luật về định danh điện tử và dịch vụ công trực tuyến**” trên địa bàn tỉnh” với 50.964 bài dự thi<sup>12</sup>.

### 10.2. Công tác tuyên truyền về Đề án 06

- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện 20 chuyên mục “Công dân số” phát sóng trên kênh truyền hình và 22 chuyên mục “Công dân số” phát trên Đài phát thanh<sup>13</sup>. Báo Quảng Ngãi đã viết, đăng tải trên báo in và Báo điện tử trên 110 tin, bài, ảnh (**báo in hơn 60 tin, bài, ảnh**), phản ánh về việc triển khai thực hiện các nội dung của Đề án 06

- Sở Thông tin và Truyền thông tiếp tục thực hiện Chuyên mục phát

<sup>11</sup> (1) Về rà soát danh mục cần số hóa; (2) Về số hóa dữ liệu hộ tịch; (3). Về số hóa dữ liệu lao động; (4) Về số hóa dữ liệu đất đai

<sup>12</sup> Trong đó: Lực lượng vũ trang: 2.835 bài; Công chức, viên chức: 21.336 bài; Học sinh, sinh viên: 11.403 bài; Hội Liên hiệp phụ nữ: 1.344 bài; Hội Cựu chiến binh: 2.715 bài; Hội Nông dân: 1.286 bài; Người lao động tự do: 2.630 bài; Đoàn viên, thanh niên: 3.149 bài; các lực lượng khác: 4.266 bài.

<sup>13</sup> Trọng tâm là: Đẩy mạnh thực hiện đề án 06 phục vụ người dân và doanh nghiệp; Ngày đêm làm tài khoản định danh điện tử cho công dân; Thanh toán không dùng tiền mặt thúc đẩy phát triển xã hội số; Lợi ích của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; Thi online tập trung qua nền tảng công nghệ xác thực thẻ CCCD gắn chip điện tử; Tăng tốc làm căn cước công dân cho học sinh; VNeID kênh tổ giác tội phạm hiện đại và hiệu quả; Sẵn sàng để người dân sử dụng VNeID thực hiện dịch vụ công trực tuyến.



thanh (Thứ 5 hàng tuần) và truyền hình (Thứ 7 hàng tuần) Chuyển đổi số (Cafe số). Cập nhật các Chuyên mục phát thanh Chuyển đổi số trên Trang tin điện tử của Sở để các địa phương tổ chức phát lại trên hệ thống truyền thanh cấp huyện, cấp xã; đăng tải các chuyên mục truyền hình Chuyển đổi số, video, clip về chuyển đổi số và triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh tại địa chỉ [chuyendoiso.quangngai.gov.vn](http://chuyendoiso.quangngai.gov.vn) và các trang mạng xã hội khác; ban hành văn bản đề nghị tuyên truyền, phổ biến thông tin liên quan đến lộ trình dừng công nghệ 2G, phổ cập điện thoại thông minh để thúc đẩy kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh.

- Công an tỉnh đã tập trung tuyên truyền sâu rộng về chủ trương, mục đích, ý nghĩa và những tiện ích trong việc đẩy mạnh phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia. Tuyên truyền kết quả nổi bật, các điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt trong quá trình triển khai, thực hiện dịch vụ công trực tuyến và Đề án số 06/CP; xây dựng những tin, bài về các đơn vị, địa phương có cách làm hay để lan tỏa. Qua đó đã xây dựng và phát sóng 79 tin, bài, phóng sự trên chuyên mục “An ninh Quảng Ngãi”; 42 tin, phóng sự trên chuyên mục “An ninh Quảng Ngãi” tiếng Kor và H're; 29 tin, bài, phóng sự trên chương trình phát thanh “Vì an ninh Tổ quốc” và 36 tin, bài, phóng sự trên kênh Truyền hình Công an nhân dân, Báo Công an Nhân dân.

- Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt của thanh niên trong duy trì, vận hành Tổ Công nghệ số Cộng đồng các cấp; 100% đoàn cấp huyện, 100% đoàn cấp xã duy trì hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng; thường xuyên ra quân tuyên truyền, hướng dẫn đoàn viên, thanh niên và người dân sử dụng sản phẩm, dịch vụ số, thanh toán không dùng tiền mặt; hỗ trợ công dân từ đủ 14 tuổi trở lên làm căn cước công dân gắn chip điện tử; hỗ trợ cài đặt tài khoản dịch vụ công trực tuyến, cài đặt, kích hoạt và sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 2.

- Ban Thanh niên, Công an tỉnh tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án 06 và phong trào “Tôi, bạn có và sử dụng Ví điện tử VnId”; triển khai thực hiện Kế hoạch tuyên truyền việc thực hiện Đề án 06 trong tuổi trẻ lực lượng Công an tỉnh. Các cấp bộ đoàn trong lực lượng Công an tỉnh đã đồng loạt ra quân tuyên truyền Đề án 06 với nhiều hình thức đa dạng: Tổ chức thực hiện Ngày thứ 7, Chủ nhật tình nguyện, tăng cường làm việc ngoài giờ hành chính nhất là vào buổi tối các ngày trong tuần. Qua đó, tổ chức 65 lượt hoạt động, huy động hơn 705 lượt đoàn viên, thanh niên tham gia; 609 lượt đoàn viên, thanh niên tham gia tuyên truyền cho người thân và người dân nơi cư trú kích hoạt hơn 605 tài khoản định danh mức độ 2. Ban Phụ nữ - Công đoàn, Phòng Công tác đảng và công tác chính trị đăng tải và chia sẻ tin, bài tuyên truyền tiện ích của dịch vụ công trực tuyến, kết quả nổi bật, các điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt của Công an tỉnh trong quá trình triển khai, thực hiện dịch vụ công trực tuyến và Đề án 06.

- Các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh căn cứ tình hình, điều kiện đã tổ chức tuyên truyền cho người dân về Đề án 06 và hướng dẫn thực hiện dịch vụ



công trực tuyến bằng nhiều phương pháp, hình thức khác nhau.

### **III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ, GIẢI PHÁP**

#### **1. Ưu điểm**

Qua 06 tháng đầu năm 2024, việc triển khai thực hiện Đề án 06 trên địa bàn tỉnh, đã đạt những kết quả tích cực; các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 theo lộ trình, tiến độ đề ra; tạo tiền đề để hoàn thành tốt các nội dung thực hiện trong những tháng còn lại của năm 2024; trong đó nổi bật là: (1) Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ rà soát, thực hiện chi trả qua tài khoản đối với đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội; (2) Đẩy nhanh tiến độ cập nhật thông tin người lao động vào Cơ sở dữ liệu dân cư; (3) Tiếp tục cấp tài khoản định danh điện tử mức 2 cho công dân đủ điều kiện; (4) Triển khai thực hiện các mô hình điểm tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; (5) Chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương bổ sung các nhiệm vụ về Đề án 06 theo Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ; (6) Chỉ đạo bố trí vốn đầu tư triển khai Đề án 06; (7) Công an tỉnh phối hợp với Tỉnh đoàn sơ kết Giai đoạn 1 phong trào “*Tôi và bạn có Ví điện tử VneID*” đồng thời phát động phong trào Giai đoạn 2 với phương châm “*Tôi, bạn có và sử dụng ví điện tử VneID*” để thúc đẩy thanh niên trên địa bàn tỉnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến thông qua ví điện tử VneID; (8) Triển khai phổ biến, tuyên truyền Luật Căn cước và các văn bản luật có hiệu lực từ ngày 01/7/2024; tổ chức phát động các cuộc thi tìm hiểu Luật Căn cước, định danh và xác thực điện tử, dịch vụ công trực tuyến để đẩy mạnh công tác tuyên truyền; (9) Chủ động tổ chức buổi làm việc bàn giải pháp thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 nhất là việc chi trả không dùng tiền mặt cho đối tượng an sinh xã hội đối với địa phương chậm chuyển biến trên địa bàn tỉnh.

#### **2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc**

##### **2.1. Tồn tại, hạn chế**

- Hiện nay, còn 05 huyện: Sơn Hà, Sơn Tây, Bình Sơn, Mộ Đức, Đức Phổ và 06 xã thuộc huyện Tây Trà (cũ)<sup>14</sup> chưa xây dựng Cơ sở dữ liệu về đất đai; có nguy cơ không đạt tiến độ số hóa 100% dữ liệu đất đai trong năm 2025.

- Đoàn Công tác Bộ Công an đã làm việc và kiểm tra tại tỉnh Quảng Ngãi từ ngày 10 đến ngày 13/5/2024, qua đó đã kiểm tra và chỉ ra một số tồn tại, hạn chế chủ yếu trong công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng đối với Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được kết nối chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn tỉnh. Đến nay, các đơn vị đã khắc phục những tồn tại đã được chỉ ra và đã có báo cáo cho Đoàn Công tác.

##### **2.2. Khó khăn, vướng mắc**

(1) Khó khăn lớn nhất hiện nay vẫn là Hệ thống các phần mềm hoạt động chưa ổn định, thường xuyên bị quá tải, khó khăn khi kết nối, đồng bộ dữ liệu. Phần mềm Dịch vụ công liên thông chậm được đồng bộ, cơ quan hộ tịch giải

<sup>14</sup> Trà Phong, Trà Xanh, Trà Thanh, Trà Tây, Sơn Trà, Hương Trà.



quyết xong hồ sơ nhưng các cơ quan còn lại vẫn chưa nhận được, trên hệ thống vẫn để trạng thái “đang xử lý”.

(2) Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư chỉ cung cấp thông tin cư trú của công dân vào thời điểm hiện tại, không cung cấp được thông tin quá trình cư trú, do đó, có một số khó khăn, vướng mắc khi thực hiện các nghiệp vụ chuyên ngành<sup>15</sup>.

(3) Ngày 04/5/2024, Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có Công văn số 115/CNTT-VP về việc hướng dẫn một số nội dung liên quan đến chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt (*viết tắt là Công văn số 115*), theo đó hướng dẫn ***một số nội dung chưa thống nhất về xác định đối tượng an sinh xã hội làm cơ sở cho việc rà soát và tính tỷ lệ mở tài khoản, chi trả không dùng tiền mặt qua tài khoản*** với “Quy trình Rà soát, cập nhật tài khoản thanh toán trong chi trả an sinh xã hội không dùng tiền mặt trên nền Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư” (*viết tắt là Quy trình*), được Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an và Trung tâm Công nghệ Thông tin, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất và ban hành kèm theo Điện mật số 20 ngày 08/01/2024 của Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội và các văn bản khác liên quan<sup>16</sup>, dẫn đến khó khăn trong công tác hướng dẫn, chỉ đạo địa

<sup>15</sup> + Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: Công dân từng cư trú ở nhiều nơi thì phải xác minh tình trạng hôn nhân tại UBND cấp xã nơi đã từng cư trú. CSDL quốc gia về dân cư chỉ tra cứu được thông tin cư trú tại thời điểm hiện tại, công chức tư pháp - hộ tịch không thể xác định được công dân đã từng cư trú ở đâu để xác minh (hộ khẩu giấy có ghi nơi cư trú trước khi chuyển đến, thời điểm chuyển đến...).

+ Công chứng: Trước đây có một số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên “Hộ gia đình ông/bà...”, nếu chuyển nhượng, tặng cho, chia thừa kế thì phải xác định thời điểm đó “hộ” gồm những ai, mối quan hệ nhân thân, không tra cứu được nên công dân phải đến Công an huyện để xin giấy xác nhận.

<sup>16</sup> (1) Về đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội thực hiện rà soát, cập nhật tài khoản thanh toán:

- Theo Công văn số 115 hướng dẫn gồm: Đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh quản lý (các đối tượng được nhận trợ cấp hàng tháng và đột xuất), (***không đề cập đối tượng nghèo, cận nghèo***).

- Theo Quy trình: Tại Bước 1 nêu cụ thể: “Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phân loại các nguồn dữ liệu ASXH gồm: Bảo trợ xã hội; Người có công; Nghèo cận nghèo; Đối tượng khác để Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an chuyển vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối sánh, làm sạch thông tin đối tượng hưởng chính sách ASXH”; như vậy đối tượng an sinh xã hội phải rà soát, cập nhật thông tin theo Quy trình bao gồm cả ***đối tượng nghèo cận nghèo và đối tượng hưởng an sinh xã hội khác*** do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trao đổi cho Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

(2) Về đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội được tính tỷ lệ chi trả qua tài khoản

- Theo Công văn số 115 hướng dẫn: “Ngày 12/01/2024, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Công điện số 01/CD-LĐTBXH về việc tổ chức triển khai chi trả trợ cấp an sinh xã hội đến đối tượng hưởng chính sách đã có tài khoản trong dịp Tết Nguyên đán Giáp Thìn và trong năm 2024, Bộ LĐTBXH đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các ban, ngành thuộc địa bàn triển khai công tác chi trả không dùng tiền mặt đến các đối tượng hưởng các chính sách an sinh xã hội, phấn đấu hết năm 2024 tỷ lệ hưởng chính sách an sinh xã hội có tài khoản đạt tối thiểu 30% trên tổng số đối tượng thuộc địa bàn tỉnh quản lý, trong đó, nhóm đối tượng an sinh xã hội để xác định tỷ lệ tối thiểu .30% nêu trên là nhóm đối tượng đang được hưởng trợ cấp an sinh xã hội hàng tháng và đột xuất bao gồm: đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng người có công với cách mạng.

- Theo Quy trình thì đối tượng an sinh xã hội trên địa bàn quản lý gồm đối tượng bảo trợ xã hội, người có công, ***đối tượng nghèo, cận nghèo***.

- Ngoài ra, tại các Điện mật số 45, 58, 61 năm 2024, Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội vẫn đánh giá tình hình, kết quả việc rà soát, cập nhật thông tin quá trình cấp tài khoản và chi trả qua tài khoản cho cả đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng người có công và ***đối tượng nghèo, cận nghèo***.



phương trong quá trình thực hiện cũng như tổng hợp báo cáo tiến độ thực hiện.

(4) Hiện nay, văn bản nhận từ Tổ công tác Đề án 06 của Chính phủ vẫn còn một số văn bản gửi chậm, có những văn bản khi Văn phòng UBND tỉnh nhận được thì đã hết thời gian tham mưu, báo cáo, triển khai nhiệm vụ. Do đó, đề nghị cần có điều chỉnh về việc gửi, nhận văn bản nhanh hơn, nên thực hiện gửi nhận qua trực liên thông văn bản (*trừ văn bản Mật*) thay cho việc gửi văn bản giấy như hiện nay. Đồng thời, rà soát các nội dung yêu cầu địa phương phải báo cáo, thống kê, triển khai phù hợp với nhiệm vụ triển khai Đề án 06, để tránh tình trạng có nhiều văn bản chỉ đạo trùng lặp về nội dung gây khó khăn và tốn nhiều thời gian trong việc triển khai nhiệm vụ.

### 2.3. Giải pháp

- Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường khẩn trương rà soát, lập khái toán kinh phí cho từng hạng mục công việc theo đơn vị hành chính cấp xã, khái toán tổng kinh phí cho toàn tỉnh và xác định thời gian thực hiện trình UBND tỉnh thống nhất chủ trương, làm cơ sở triển khai thực hiện số hóa dữ liệu đất đai trong thời gian đến; ưu tiên số hóa những địa bàn có số lượng hồ sơ ít, kinh phí thực hiện thấp.

- Quán triệt cán bộ, công chức, viên chức thực hiện đúng các quy định về công tác đảm bảo an ninh, an toàn thông tin đối với Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh được kết nối chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn tỉnh; Tổ chức kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh mạng các hệ thống thông tin có kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024.

### 3. Bài học kinh nghiệm

- *Một là:* Nhận thức và xác định đúng tầm quan trọng, tính cấp bách của Đề án 06, từ đó xác lập cơ chế chỉ huy, chỉ đạo tương xứng từ cấp tỉnh tới cơ sở; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết ngay từ khi bước vào thực hiện Đề án 06 với các mốc thời gian tính theo từng tháng, đồng thời quyết tâm thực hiện đúng thời gian từng nội dung công việc, để tạo cơ sở cho các bước tiếp theo hoàn thành đúng tiến độ. Kịp thời kiện toàn Tổ Công tác và Tổ giúp việc của Tổ Công tác Đề án 06 để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

- *Hai là:* Sự quyết liệt, sâu sát, sáng tạo, bản lĩnh, đột phá trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án 06 xuyên suốt từ cấp tỉnh tới cơ sở. Xác định các nguyên tắc nhất quán, xuyên suốt, cụ thể hóa bằng những quy định, quy trình, quy chế để tổ chức thực hiện thống nhất, gắn với kiểm tra, đôn đốc quyết liệt từ địa bàn cơ sở.

- *Ba là:* Sự phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các thành viên

---

- Hơn nữa: Tại Điểm 7, Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo: “Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội và các đơn vị liên quan nghiên cứu, xây dựng phương án cấp “Tài khoản an sinh xã hội” để mỗi người dân Việt Nam có tài khoản an sinh xã hội gắn với số định danh cá nhân trên ứng dụng VNeID được nhận chi trả an sinh xã hội qua tài khoản theo yêu cầu.



của Tổ Công tác Đề án 06 trong thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06; qua đó đã kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện của các sở, ngành.

- *Bốn là:* Phát huy vai trò thường trực của Công an tỉnh trong công tác tham mưu, Chủ tịch UBND tỉnh - Tổ trưởng Tổ công tác trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo; sự gắn kết, phối hợp với các thành viên và tiên phong đi đầu trong việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao của Đề án 06.

#### **IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 06 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

1. Tiếp tục chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện hiệu quả các mô hình điểm theo Kế hoạch tổng thể triển khai thực hiện các mô hình của Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2023 - 2025 và những năm tiếp theo.

2. Triển khai thực hiện hiệu quả Luật Căn cước năm 2023 trên địa bàn tỉnh; trong đó tổ chức thu nhận thẻ căn cước cho công dân dưới 14 tuổi và giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam chưa xác định quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam. Tổ chức cuộc thi viết “Tìm hiểu luật pháp luật về căn cước, định danh và xác thực điện tử của Việt Nam” và “Tìm hiểu Luật Căn cước trong Công an nhân dân”.

3. Phối hợp Bộ Công an, Bộ Tư pháp triển khai cấp Phiếu Lý lịch tư pháp trên VNeID trên toàn quốc.

4. Tiếp tục thực hiện việc kết nối, tích hợp, đồng bộ thông tin tiếp nhận, xử lý hồ sơ giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với các Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của các bộ, ngành để cán bộ, công chức, viên chức không phải thực hiện cập nhật trên nhiều hệ thống, gây lãng phí thời gian, chi phí, nguồn lực, giảm năng suất lao động.

5. Tiếp tục đẩy mạnh công tác số hóa sổ hộ tịch và dữ liệu đất đai đảm bảo đúng tiến độ, thời gian quy định.

6. Tiếp tục thực hiện chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt trong thực hiện chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng thụ hưởng bằng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn; tổ chức chi trả qua tài khoản cho 100% đối tượng hưởng chính sách an sinh xã hội đã có tài khoản (đã đăng ký tài khoản ngân hàng, ví điện tử, tài khoản mobile money...) từ ngân sách nhà nước, bảo đảm chính xác, nhanh chóng, kịp thời.

7. Tổ chức kiểm tra công tác thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06 tại UBND cấp huyện, cấp xã; đồng thời kiểm tra, đánh giá an toàn, an ninh mạng các hệ thống thông tin có kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2024

8. Phối hợp tổ chức tập huấn chuyên sâu các nội dung liên quan đến triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến Đề án 06 nói riêng và chuyển đổi số nói chung trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

#### **V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

- Đề nghị Bộ Tư pháp nâng cấp các Hệ thống phần mềm chuyên ngành (hộ tịch, lý lịch tư pháp) đáp ứng được yêu cầu truy cập, sử dụng để giải quyết



thủ tục hành chính.

- Đề nghị Bộ Công an hoàn thiện, phát triển, có giải pháp để cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính có thể tra cứu được thành viên hộ gia đình theo quá trình cư trú của công dân.

- Đề nghị Bộ Công an, Bộ Tư pháp có hướng xử lý đối với 881 hồ sơ ở trạng thái “*Chờ Bộ Công an cấp số định danh*”, nếu đã có số định danh bên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì có giải pháp gán số định danh (*công chức tư pháp hộ tịch lấy số định danh do cơ quan Công an cung cấp, gán vào hồ sơ hộ tịch*) để đồng bộ dữ liệu.

- Đề nghị Bộ Công an có sự thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để có văn bản hướng dẫn tháo gỡ khó khăn các nội dung cụ thể như sau:

(1) Đối tượng cần vận động cấp tài khoản an sinh xã hội có bao gồm đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo không? Nếu có thì chỉ vận động cấp tài khoản cho chủ hộ hay bao gồm tất cả các đối tượng thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo hay chỉ riêng cho một số đối tượng nhất định?

(2) Việc đánh giá tình hình, kết quả công tác **rà soát, cập nhật và thực hiện chi trả** không dùng tiền mặt cho đối tượng an sinh xã hội:

- Nhóm đối tượng an sinh xã hội được đánh giá kết quả gồm những nhóm đối tượng nào, có bao gồm nhóm đối tượng thuộc diện nghèo, cận nghèo hay không?

- Tổng số đối tượng an sinh xã hội dùng để đánh giá kết quả thực hiện có bao gồm số nhập mới từ phần mềm DC01 mở rộng hay chỉ đánh giá trên số liệu do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội đồ về trên phần mềm DC01 mở rộng?

Kính báo cáo Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an theo dõi, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Thành viên Tổ Công tác Đề án 06 tỉnh;
- Công an tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, NC, TTHC;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC<sub>vat</sub>.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHỦ CHỦ TỊCH**

**Trần Hoàng Tuấn**